

Bản án số: 580/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2024

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phước

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đặng Nam Bình L**, sinh năm 1974. Địa chỉ: **Căn hộ S, tầng C, lô C, chung cư K, số B Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1981. Địa chỉ thường trú: **6 B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Địa chỉ liên hệ: **Căn hộ số 306, tầng C, lô C, chung cư K, số B Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn Ông **Đặng Nam Bình L** trình bày: Ông và bà **Hoàng Thị H** tự nguyện chung sống năm 2003 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2003, ngày 28/02/2003 tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**.

Trong quá trình chung sống, ông nhận thấy cả hai có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm, tư duy về lối sống và kinh tế gia đình. Bà **H** tự ý vay mượn tiền bạc làm ăn làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, dù đã nhiều lần

khuyến ngăn nhưng ông nhận thấy bà H không thay đổi. Ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện xin ly hôn với bà H để sớm ổn định cuộc sống riêng, an tâm nuôi dưỡng và giáo dục các con trưởng thành.

Về con chung: Ông L khai ông và bà H có 03 con chung là Đặng Hoàng Song H1, sinh ngày 07/8/2003; Đặng Thiệu K, sinh ngày 27/02/2013 và Đặng Thiệu A, sinh ngày 10/11/2018. Ly hôn, con chung Đặng Hoàng Song H1 đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Thiệu K và Đặng Thiệu A, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

Bị đơn Bà Hoàng Thị H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa (Biên bản ngày 08/4/2024 tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập về việc đến Tòa án trình bày ý kiến; thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; biên bản ngày 22/5/2024 tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; Biên bản ngày 04/6/2024 tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa; biên bản ngày 02/7/2024 tổng đạt quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng bà H vẫn không có mặt để trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa:

Ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Hoàng Thị H; về con chung: con chung Đặng Hoàng Song H1 đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Thiệu K và Đặng Thiệu A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bà H vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 28/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cấp thì quan hệ hôn nhân của ông L và bà H là hợp pháp. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng bà H không có mặt, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông L, được ly hôn với bà H. Về con chung: con chung Đặng Hoàng Song H1, đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp. Đối với yêu cầu của ông L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Thiệu K và Đặng Thiệu A, xét thấy hai trẻ hiện nay do ông L trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao ông L nuôi dưỡng nhằm ổn định sinh hoạt cho con chung là phù hợp. Về tài sản chung: Ông L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Ông L khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Đặng Nam Bình L có đơn khởi kiện về việc ly hôn với bà Hoàng Thị H có địa chỉ: Căn hộ S, tầng C, lô C, chung cư K, số B Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 28/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Nam Bình L và bà Hoàng Thị H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Xét yêu cầu của ông Đặng Nam Bình L ly hôn bà Hoàng Thị H. Nhận thấy: Ông L và bà H kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế gia đình và quan điểm sống. Về phía bà H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo quy định pháp luật cho thấy bà H không quan tâm đến việc hòa giải đoàn tụ với ông L, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L được ly hôn với bà H theo quy định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu của ông L về con chung như sau: Ông L và bà H có 03 con chung là Đặng Hoàng Song H1, sinh ngày 07/8/2003, đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Ông L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là Đặng Thiệu K, sinh ngày 27/02/2013 và Đặng Thiệu A, sinh ngày 10/11/2018, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay hai trẻ **K** và **A** đang trực tiếp sinh sống cùng ông **L** và bà **H**, nguyện vọng của trẻ **K** muốn được ở cùng với cha mẹ, bà **H** không đến Tòa trình bày ý kiến về con chung. Nhận thấy: để ổn định việc sinh hoạt cho hai trẻ nên giao ông **L** trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ là phù hợp, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà **H** do ông **L** không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Ông **L** khai tự thỏa thuận với bà **H** nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông **L** khai không có.

[7] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông **Đặng Nam Bình L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do ông **L** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001282 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Nam Bình L**:

- Về hôn nhân: Ông **Đặng Nam Bình L** được ly hôn với bà **Hoàng Thị H**.

- Về con chung: Con chung **Đặng Hoàng Song H1**, sinh ngày 07/8/2003, đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao cho ông **Đặng Nam B L** trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung **Đặng Thiệu K**, sinh ngày 27/02/2013 và **Đặng Thiệu A**, sinh ngày 10/11/2018. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà **Hoàng Thị H** do ông **Đặng Nam Bình L** không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông **L** khai tự thỏa thuận với bà **H** nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **L** khai không có nợ chung.

2. Về án phí: Ông **Đặng Nam Bình L** phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được tính vào tạm ứng án phí do ông **L** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001282 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thụy Hồng Châu